

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY LÀM THUỐC MỘC TỰ NHIÊN Ở HUYỆN VŨ THU, TỈNH THÁI BÌNH

TÓM TẮT

Nguyễn Hải Tiến^{1*}

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc mộc tự nhiên ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình năm 2021.

Phương pháp: Các phương pháp được sử dụng bao gồm điều tra thực địa, so sánh hình thái để phân loại và tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây làm thuốc.

Kết quả: Đã xác định được 173 loài thuộc 140 chi, 67 họ của 2 ngành thực vật. Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là ngành đa dạng nhất với 169 loài (chiếm 97,69% tổng số loài) thuộc 136 chi (chiếm 97,14% tổng số chi) và 63 họ (chiếm 94,03% tổng số họ). Chỉ có 01 loài là cỏ Mần Trầu (*Cynosurus indica* L.) thuộc phân hạng ít lo ngại (LC – Least concern) theo IUCN (2014) và không có loài nào có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007). Các cây thuốc thu được thuộc 5 dạng sống và phân bố trong 3 sinh cảnh, hầu hết là gặp ở sinh cảnh gần đường đi, gần các khu dân cư. Có 11 bộ phận của cây được sử dụng để chữa trị cho 16 nhóm bệnh.

Từ khóa: tài nguyên, cây thuốc, sinh cảnh, đa dạng

DIVERSE RESOURCES OF MEDICINAL NATURAL PLANTS IN VU THU DISTRICT, THAI BINH PROVINCE

ABSTRACT

Objective: Assessment of the current status of diversity of natural medicinal plant resources in Vu Thu district, Thai Binh province in 2021.

Method: The methods used include field investigation, morphological comparison for classification and searching specialized documents on medicinal plants.

Results: 173 species belonging to 140 genera and 67 families of 2 plant phyla were identified. Magnoliophyta was the most diverse phylum with 169 species (accounting for 97.69% of the total number of species) belonging to 136 genera (accounting for 97.14% of the total number of genera) and 63 families (accounting for 94.03% of

the total number of families). . Only one species, *Cynosurus indica* L., was classified as Least Concern (LC) according to IUCN (2014) and no species was listed in the Vietnam Red Book (2007). The collected medicinal natural plants belong to 5 life forms and are distributed in 3 habitats, most of which are found in habitats near roads and residential areas. There are 11 parts of the plant used to treat 16 groups of diseases.

Keywords: resources, medicinal plants, habitat, diversity

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tài nguyên cây thuốc là một trong những nguồn tài nguyên vô giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người. Phần lớn các cây thuốc mộc tự nhiên rải rác ở khắp các sinh cảnh, trong các loài được sử dụng làm thuốc chăm sóc sức khỏe, có loài có thể vừa dùng làm cây cảnh lại có thể vừa dùng làm thực phẩm.... chúng có những vai trò nhất định trong đời sống nhân dân [1].

Ở Việt Nam trong những năm gần đây, ngành y tế đã phối hợp với Hội Đông y tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân trồng, sử dụng những cây thuốc sẵn có ở địa phương, những bài thuốc đơn giản để tự phòng và chữa một số bệnh thông thường (Thủ tướng Chính phủ, 2003). Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, có một số nội dung cơ bản như: khuyến khích nghiên cứu, quản lý khai thác và sử dụng bền nguồn tài nguyên dược liệu phục vụ cho mục đích phát triển y tế và kinh tế chú trọng bảo hộ bảo tồn và phát triển nguồn gen dược liệu quý có giá trị gìn giữ phát huy và tăng cường bảo hộ vốn tri thức truyền thống về sử dụng cây thuốc của cộng đồng các dân tộc [2].

Vũ Thư là huyện thuộc phía tây của tỉnh Thái Bình, có điều kiện khí hậu thuận lợi, đặc biệt có hai con sông lớn là sông Hồng và sông Trà Lý chảy qua, bồi đắp cho đất đai màu mỡ và có hệ thực vật rất đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loài cây có giá trị sử dụng khác nhau, mang lại hiệu quả kinh tế cao như cây ăn quả, cây làm cảnh, cây làm rau... đặc biệt là các loài cây làm thuốc. Tuy nhiên trong những năm gần đây, cùng với sự phát

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hải Tiến

Email: tiennh09@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/04/2024

Ngày phản biện: 30/05/2024

Ngày duyệt bài: 01/06/2024

triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội của huyện, các nhà máy, xí nghiệp, các khu dân cư đô thị... được xây dựng ngày càng nhiều, tài nguyên cây thuốc mọc tự nhiên ngày càng bị thu hẹp. Vì vậy, việc nghiên cứu đa dạng các loài cây thuốc mọc tự nhiên thực sự có ý nghĩa cho việc sử dụng hợp lý và bảo tồn nguồn nguyên liệu này.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

Đối tượng là các loài cây mọc tự nhiên có công dụng làm thuốc, thuộc các ngành thực vật bậc cao có mạch.

Địa điểm nghiên cứu: tại các xã Bách Thuận, Tân Lập, Song An, Minh Lãng, Tân Hòa thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang. Trong quá trình thu thập thông tin, các phương pháp được sử dụng bao gồm điều tra thực địa, so sánh hình thái để phân loại và tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây làm thuốc.

Chọn mẫu không xác suất theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện:

Cỡ mẫu: đề tài thực hiện theo hướng nghiên cứu liệt kê tự do thành phần những loài thực vật mọc tự nhiên bắt gặp trong khu vực nghiên cứu.

Các bước tiến hành nghiên cứu

- Thu mẫu tiêu bản cây thuốc: Các tiêu bản cây thuốc được thu thập và xử lý theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [3].

- Tên khoa học các loài cây thuốc được định danh theo phương pháp so sánh hình thái truyền thống dựa trên các tài liệu sẵn có về hệ thực vật và tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam như Đỗ Tất Lợi (2006) [4], Đỗ Huy Bích và cộng tác viên (2013) [5], Võ Văn Chi (2012) [6], Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000) [7], Viện Dược liệu (2016) [8].

- Giá trị bảo tồn của các loài cây thuốc được đánh giá theo Sách đỏ Việt Nam (2007) [9], Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) [10].

- Xử lý số liệu: Số liệu thu thập các thông tin tài nguyên cây thuốc được nhập và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2010 để đánh giá tính đa dạng thành phần và giá trị tài nguyên cây thuốc.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đa dạng thành phần loài cây thuốc mọc tự nhiên ở huyện Vũ Thư

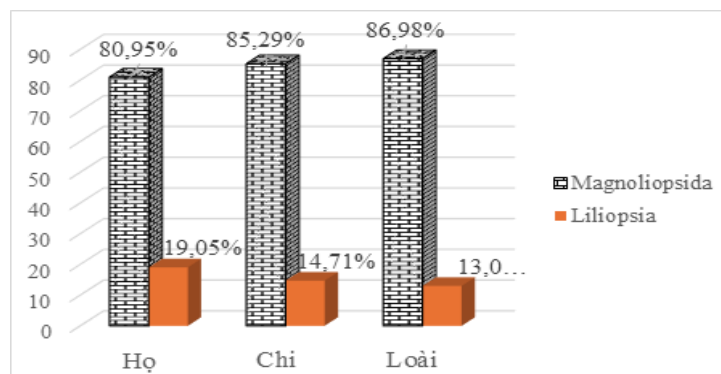
Tổng hợp các kết quả từ điều tra thực địa và các dữ liệu thu thập đã ghi nhận được 173 loài thực vật mọc tự nhiên có tác dụng làm thuốc, thuộc 67 họ, ở 2 ngành thực vật bậc cao có mạch tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Kết quả được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1. Phân bố họ, chi, loài cây thuốc trong các ngành thực vật

Ngành	Số họ	Tỉ lệ % số họ	Số chi	Tỉ lệ % số chi	Số loài	Tỉ lệ % số loài
I. Polypodiophyta	4	5,97	04	2,86	04	2,31
II. Magnoliophyta	63	94,03	136	97,14	169	97,69
Tổng số	67	100%	140	100%	173	100%

Sự phân bố của các taxon trong các ngành là không đồng đều, đa số các taxon tập trung vào ngành ngọc lan (Magnoliophyta) với ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là ngành đa dạng nhất với 169 loài (chiếm 97,69% tổng số loài) thuộc 136 chi (chiếm 97,14% tổng số chi) và 63 họ (chiếm 94,03% tổng số họ) khảo sát được. Ngành thực vật còn lại là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 4 loài (chiếm 2,31% tổng số loài) thuộc 4 chi (chiếm 2,86% tổng số chi) của 4 họ (5,97% tổng số họ).

Trong ngành Ngọc lan thì: lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế hơn hẳn với 147 loài (chiếm 86,98% tổng số loài), 116 chi (chiếm 85,29% tổng số chi), 51 họ (chiếm 80,95% tổng số họ) và Lớp Hành (Liliopsida) chiếm tỷ trọng thấp hơn hẳn, với 22 loài (chiếm 13,02% tổng số loài), 20 chi (chiếm 14,71% tổng số chi), 12 họ (chiếm 19,05% tổng số họ). Điều đó phù hợp với sự phân bố của 2 lớp trên trong ngành Magnoliophyta của hệ thực vật (Hình 1).



Hình 1. Tỷ lệ các họ, chi và loài cây thuốc thuộc 2 lớp của ngành Ngọc lan

Đa dạng bậc họ: trong tổng số 67 họ thực vật ghi nhận ở khu vực nghiên cứu có: 1 họ có 22 loài (chiếm tỷ lệ 12,72% tổng số loài); 2 họ đều có 8 loài/ họ (lần lượt chiếm 4,62% tổng số); 2 họ có 7 loài / họ (lần lượt chiếm tỷ lệ 4,05%); có 8 họ có số loài từ 4 đến 6 loài/ họ với tổng số 40 loài (23,12% tổng số loài); 7 họ có 3 loài/họ (tổng số 21 loài chiếm tỷ lệ 12,11% tổng số loài); có 12 họ mà mỗi họ có 2 loài (tổng số tổng số 24 loài chiếm tỷ lệ 13,92% tổng số loài) và có tới 35 họ có 1 loài/ họ (tổng số 35 loài chiếm tỷ lệ 20,30% tổng số loài), điều này thể hiện sự đa dạng và phong phú cao trong cấu trúc thành phần loài thực vật mọc tự nhiên có công dụng làm thuốc.

Kết quả nghiên cứu đã phân tích được 11 họ thực vật có số loài lớn nhất (đa dạng nhất) trong khu vực nghiên cứu (Bảng 2).

Bảng 2. Phân bố họ thực vật có cây thuốc mọc tự nhiên đa dạng nhất

STT	Họ	Tên họ Việt Nam	Số chi		Số loài	
			Số lượng	Tỷ lệ % (so với tổng số)	Số lượng	Tỷ lệ % (so với tổng số)
1	Acanthaceae	Họ Ô rô	5	3,57	6	3,47
2	Amaranthaceae	Họ Rau dền	4	2,86	8	4,62
3	Apiaceae	Họ Hoa tán	5	3,57	5	2,89
4	Asteraceae	Họ Cúc	18	12,86	22	12,72
5	Cucurbitaceae	Họ Bầu bí	4	2,86	5	2,89
6	Fabaceae	Họ Đậu	6	4,29	7	4,05
7	Lamiaceae	Họ Bạc hà	5	3,57	8	4,62
8	Moraceae	Họ Dâu tằm	4	2,86	7	4,05
9	Solanaceae	Họ Cà	4	2,86	5	2,89
10	Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa	3	2,14	5	2,89
11	Poaceae	Họ Lúa	5	3,57	6	3,47
Tổng 11 họ			58	41,43%	78	45,09%

Họ có số loài cây thuốc mọc tự nhiên nhiều nhất là họ Cúc (Asteraceae) với 22 loài, chiếm 12,72% tổng số loài cây thuốc ghi nhận được; tiếp theo là họ Bạc hà (Lamiaceae) và họ Rau dền (Amaranthaceae) với mỗi họ đều có 8 loài, lần lượt chiếm 4,62%, theo sau là họ Đậu (Fabaceae) và họ Dâu tằm (Moraceae) với mỗi họ đều có 7 loài, lần lượt chiếm 4,05%; họ Ô rô (Acanthaceae) và họ Lúa (Poaceae) mỗi họ đều có 6 loài và lần lượt chiếm 3,47%.

Xét độ đa dạng loài theo bậc chi, chiếm ưu thế nhất là chi Ficus thuộc họ Dâu tằm (Moraceae) với 4 loài; tiếp đến là các chi Amaranthus và Celosia thuộc họ Rau dền (Amaranthaceae), chi Ipomoea thuộc

họ Bìm bìm (Convolvulaceae), chi Polygonum thuộc họ Rau răm (Polygonaceae), chi Clerodendrum thuộc họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae), cùng có 3 loài/chi. Đây là những họ thực vật có các loài cây mọc tự nhiên khá phổ biến có công dụng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng nhiều nhất (bảng 3). Có 10 chi có 2 loài/chi. Có tới 44 chi chỉ có 1 loài/chi. Điều này thể hiện sự đa dạng ở taxon bậc chi trong thành phần loài thực vật mọc tự nhiên có công dụng làm thuốc của vùng nghiên cứu.

Bảng 3. Các chi giàu loài cây thuốc nhất

STT	Tên chi (họ)	Số loài	Tỷ lệ (%) so với tổng số cây thuốc đã biết ở KVNC
1	Amaranthus	3	1,73
2	Celosia	3	1,73
3	Ipomoea	3	1,73
4	Ficus	4	2,31
5	Polygonum	3	1,73
6	Clerodendrum	3	1,73
Tổng		19	10,96%

3.2. Đa dạng về dạng sống của cây thuốc

Các loài cây làm thuốc thu được ở khu vực nghiên cứu được xếp vào 5 nhóm dạng sống, chi tiết được trình bày trong bảng 4.

Bảng 4. Sự đa dạng về dạng sống của các loài cây thuốc

Dạng sống	Thân leo	Thân thảo	Thân gỗ	Thân bụi	Thân giả	Tổng
Số lượng loài	32	85	37	18	1	173
Tỷ lệ % so với tổng số	18,50	49,13	21,39	10,40	0,58	100%

Kết quả nghiên cứu tại bảng 4 nhận thấy nhóm cây thân thảo (Th) chiếm ưu thế với tỷ lệ là 49,13% tập trung ở một số họ như các loài thuộc ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), họ Cúc (Asteraceae), họ Ráy (Araceae), họ gừng (Zingiberaceae), họ Lúa (Poaceae), họ Rau răm (Polygonaceae),..., Đây là những họ có nhiều loài cây mọc hoang hoặc được người dân gây trồng để làm rau ăn, làm thuốc phổ biến như cỏ xước (*Achyranthes aspera*), cỏ cứt lợn (*Ageratum conyzoides*), Húng chanh (*Plectranthus amboinicus*), tiếp đến là nhóm cây thân gỗ (G) chiếm 21,39% tập trung ở các họ như Dâu tằm (Moraceae), Malvaceae, Magnoliaceae, Rutaceae, sau đó là nhóm cây thân leo, bò là 18,50% chủ yếu là các loài mọc hoang ven đường và một số loài được trồng vừa để làm thuốc vừa làm rau ăn thuộc các họ thiên lý (Asclepiadaceae), khoai lang (Convolvulaceae), bầu bí (Cucurbitaceae)...., ít nhất là cây thân giả với 1 loài chiếm 0,58%.

3.3. Sự phân bố cây thuốc theo môi trường sống

Các loài cây thuốc mọc tự nhiên ở khu vực nghiên cứu được phân bố trong các khu vực chính là (i) Chân đê, ven sông, bờ mương, (ii) Bãi hoang, Đồng, ruộng, (iii) ven đường đi, gần các nhà dân,

Sự phân bố các loài thực vật làm thuốc mọc tự nhiên theo môi trường sống được chúng tôi phân tích và trình bày trong bảng 5

Bảng 5. Sự phân bố các loài cây thuốc theo môi trường sống

TT	Môi trường sống	Số lượng loài	Tỷ lệ % so với tổng số
1	Chân đê, ven sông	59	34,10
2	Ven đường, gần nhà dân	147	84,97
3	Đồng, ruộng, bãi hoang	133	76,88

Kết quả điều tra cho thấy các loài thực vật bậc cao làm thuốc mọc tự nhiên ở KVNC phân bố ở các sinh cảnh là không đồng đều. Hai sinh cảnh có thành phần loài làm thuốc chiếm tỉ lệ cao là sinh cảnh gần đường đi, gần các khu dân cư (với 147 loài). Trong sinh cảnh này, ngoài những cây thuốc mọc hoang phổ biến như rau má (*Centella asiatica*), ngải cứu (*Artemisia vulgaris*).... còn có những loài cây ăn quả có tác dụng làm thuốc như măng cầu ta (*Annona squamosa*), đu đủ (*Carica papaya*), ổi (*Psidium guajava*), bưởi (*Citrus grandis*)....

Sinh cảnh đồng, ruộng, bãi hoang (với 133 loài) hầu hết là các loài thân cỏ, thân bụi hoặc dây leo như trinh nữ (*Mimosa pudica*), rau dệu (*Alternanthera sessilis*), dền gai (*Amaranthus spinosus*), cỏ gà (*Cynodon dactylon*), mần trâu (*Eleusine indica*), cỏ tranh (*Imperata cylindrica*),.... . Hầu hết các loài thực vật này có đặc điểm là những cây thân thảo hoặc bụi, leo dễ phát triển, vòng đời ngắn. Những loại cây này cũng có nhiều loài có nguồn gốc là những cây trồng được con người thuần hóa nhưng do quá trình sống chúng đã phát tán và mọc tự nhiên hoang dại.

3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng

Tùy theo mục đích sử dụng và cách chế biến mà bộ phận sử dụng của cây có thể khác nhau. Một cây có thể có nhiều bộ phận sử dụng khác nhau. Trên cơ sở phân tích các chuyên khảo về cây thuốc Việt Nam, chúng tôi thấy tần xuất sử dụng các bộ phận của cây dùng làm thuốc được thể hiện trong bảng 6 như sau:

Bảng 6. Sự đa dạng các bộ phận sử dụng làm thuốc

TT	Bộ phận sử dụng	Số lượng loài	Tỉ lệ % so với tổng số
1	Toàn cây	67	38,73
2	Lá	92	53,18
3	Cành, Thân	12	6,94
4	Quả	7	4,05
5	Hạt	20	11,56
6	Củ	4	2,31
7	Rễ	48	27,75
8	Hoa	17	9,83
9	Vỏ	15	8,67
10	Ngọn	3	1,73
11	Nhựa, mủ	2	1,16

Qua phân tích bảng 5 chúng tôi nhận thấy, tất cả các bộ phận của cây thuốc có thể sử dụng để phòng, trị bệnh. Bộ phận được sử dụng nhiều nhất là lá của cây với 92 loài chiếm 53,18%, lá có thể dùng riêng như giã lấy nước uống, giã đắp, vò tắm,...hoặc phối hợp với các loài cây khác chữa bệnh, thường gặp nhiều ở các họ Cúc (*Asteraceae*) với 12 loài, họ Dâu tằm (*Moraceae*) với 4 loài, họ Bạc hà (*Lamiaceae*) với 4 loài. Thứ hai là sử dụng toàn cây với 67 loài chiếm 38,73%. Tuy nhiên khi sử dụng toàn cây làm thuốc sẽ làm cho nguồn gen cây thuốc dần bị thu hẹp nên cần phải có những biện pháp khai thác kết hợp với gây trồng nhằm sử dụng bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc. Thứ ba là sử dụng rễ với 48 loài (chiếm 27,75%). Các bộ phận như hoa và nhựa được sử dụng ít hơn, tuy nhiên đây thường là những loài chữa bệnh độc đáo như hoa của các cây Đu đủ (*Carica papaya*), Hòe (*Sophora japonica*), ... Bộ phận sử dụng với tần suất ít nhất là nhựa của cây chỉ 2 loài (chiếm 1,16%).

3.5. Các loài thực vật làm thuốc quý hiếm theo Sách đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục đỏ IUCN (2014) tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Trong số các loài được sử dụng làm thuốc tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình chỉ có 01 loài thuộc phân hạng ít lo ngại (LC - Least concern): bao gồm các taxon không được coi là phụ thuộc bảo tồn hoặc sắp bị đe dọa theo IUCN (2014) và không có loài nào có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007).

IV. BÀN LUẬN

Kết quả từ nghiên cứu cho thấy huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có nguồn tài nguyên cây thuốc mọc tự nhiên khá đa dạng và phong phú gồm 173 loài cây thuốc thuộc 140 chi, 67 họ thuộc 2 ngành thực vật. Cây thuốc thu được ở đây ngành Ngọc lan chiếm phần lớn với 169/173 loài. Trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 147 loài (86,98 % so với tổng số loài cây thuốc đã biết), thuộc 116 chi, 51 họ; lớp Hành (Liliopsida) có 22 loài (13,02% so với tổng số loài cây thuốc đã biết), thuộc 20 chi và 12 họ.

Một số loài hiện đã được đưa vào trồng làm nguyên liệu phục vụ chế biến dược phẩm, thực phẩm chức năng nhưng còn ở quy mô nhỏ lẻ, tự phát của hộ gia đình như: Hòe, Đinh lăng, ...

Kết quả nghiên cứu nhận thấy các loài cây thuốc mọc tự nhiên ở khu vực nghiên cứu đa dạng về dạng sống, chúng phân bố hầu hết trong các kiểu dạng sống, nhưng tập trung chủ yếu nhóm cây thân thảo một năm (49,13%); tiếp đến là nhóm cây thân gỗ (21,39%) và thấp nhất là dạng cây thân giả. Kết quả này cho thấy, dạng cây thân thảo một năm phát triển tương đối nhanh chóng là những loài tiên phong, tạo thành thảm thực vật chính của nhiều môi trường sống tự nhiên, phù hợp với vùng có khí hậu theo mùa.

Kết quả nghiên cứu cũng nhận thấy có sự tương đồng cao trong các kết quả về sự đa dạng dạng sống của cây thuốc, sự phân bố trong các sinh cảnh, sự đa dạng về các nhóm bệnh chữa trị với các nghiên cứu khác trong địa bàn tỉnh Thái Bình. Điều này cho thấy sự thống nhất về tính chất của nguồn tài nguyên khu hệ thực vật làm thuốc ở các địa phương của tỉnh Thái Bình.

V. KẾT LUẬN

Đã xác định được 173 loài thuộc 140 chi, 67 họ của 2 ngành thực vật. Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là ngành đa dạng nhất với 169 loài (chiếm 97,69% tổng số loài) thuộc 136 chi (chiếm 97,14% tổng số chi) và 63 họ (chiếm 94,03% tổng số họ).

Cây thuốc mọc tự nhiên thu thập tại huyện Vũ Thư chủ yếu là cây thân thảo (49,13%); tiếp theo là nhóm cây thân gỗ (21,39%).

Bộ phận sử dụng rất đa dạng (thân, lá, hoa, quả, rễ, củ, hạt), trên một số loài nhiều bộ phận được sử dụng.

Trong số các loài cây thuốc mọc tự nhiên tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình chỉ có 01 loài là cỏ Mần Trầu (*Cynosurus indica* L.) thuộc phân hạng ít lo ngại (LC – Least concern) theo IUCN (2014) và không có loài nào có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương và cs (2006)**, Cây thuốc và động vật làm thuốc, NXB KH và KT, Hà Nội
2. **Thủ tướng Chính phủ. (2013)**, Quyết định số 1976/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
3. **Nguyễn Nghĩa Thìn (2007)**. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb Đại học Quốc gia. Hà Nội.
4. **Đỗ Tất Lợi (2006)**. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Y học.
5. **Đỗ Huy Bích (2013)**. Cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt nam. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, T. I & T. II (2004), T. III (2013).
6. **Võ Văn Chi (2012)**. Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB Y học TP. HCM
7. **Phạm Hoàng Hộ (1999 – 2000)**. Cây cỏ Việt Nam. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh, Quyển I, II, III.
8. **Viện Dược liệu (2016)**. Danh lục cây thuốc Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật
9. **Bộ Khoa học & Công Nghệ - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007)**. Sách đỏ Việt Nam (2007) phần II - Thực vật, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
10. **Nguyễn Tập (2019)**. Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam. Tạp chí Dược liệu, 24 (6): 319-328.